TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 12 - 2025.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thuỳ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.
Bà Cao Thị Diệu Hiền.
Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp.
Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là: ấp P, xã P, Đồng Tháp)
2.Bị đơn: Anh Ngô Quốc N, sinh năm 1972
Địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là: ấp P, xã P, Đồng Tháp)

Tại phiên toà, chị T có mặt. Anh N vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001, sau khi tìm hiểu nhau một thời gian thì chị T và anh N tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/10/2001 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P) theo giấy đăng ký kết hôn họ tên chồng là Nguyễn Quốc N1, hiện anh N1 đã cải chính hộ tịch thành Ngô Quốc N. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2024 giữa chị T và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng, không thương yêu nhau, không chăm sóc cho nhau, dần dần tình cảm vợ chồng thêm lạnh nhạt, vợ chồng thường xuyên gây gổ, có khi anh N uống rượu say có khi đánh chị T. Ngoài ra, anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở gần nhà, hàng xóm lời ra tiếng vào, chị T cảm thấy rất đau lòng và xấu hổ. Nay chị T nhận thấy tình cảm với anh N không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không cần có thêm thời gian để suy nghĩ đoàn tụ, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh N nên chị T yêu cầu ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2001 và Ngô Thị Thu N2, sinh ngày 09/03/2006; hiện 02 con đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Ngô Quốc N trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, khi đăng ký kết hôn họ tên anh N là Nguyễn Quốc N1 sau khi cải chính hộ tịch tên Ngô Quốc N. Anh N thống nhất với trình bày của chị T về thời gian tìm hiểu, đám cưới, đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do khoảng 4-5 năm gần đây vợ chồng hay gây gổ nhau, khi say rượu anh N có qua lại với người phụ nữ khác ở gần nhà, người phụ nữ này có cũng có quan hệ với nhiều người khác có con, chị T nghe được và hàng xóm nói lời không hay nên chị T buồn giận anh N, anh N thấy có lỗi với vợ nên cũng nhiều lần năn nỉ, xin chị T tha thứ nhưng chị T không chấp nhận, kiên quyết ly hôn. Anh N xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn chị T. Anh N yêu cầu được đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2001 và Ngô Thị Thu N2, sinh ngày 09/03/2006; hiện 02 con đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Hai bên sẽ tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T. Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2001 và Ngô Thị Thu N2, sinh ngày 09/03/2006; hiện 02 con đã thành niên và tự nuôi sống bản thân, chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về chia tài sản chung: Hai bên sẽ tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.Về nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, Đồng Tháp; xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc Hội.

Bị đơn là anh Ngô Quốc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Trần Thị Thu T và anh Ngô Quốc N chung sống vợ chồng từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2001 tại UBND Thị Trấn C (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi nhau, đồng thời anh N thừa nhận khi say xỉn anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở gần nhà, chị T thường xuyên nghe hàng xóm bàn tán nói lời không hay, chị T cảm thấy buồn tủi, xấu hổ, mặc dù anh N năn nỉ nhưng chị T không chấp nhận tha thứ cho anh N, chị T không còn tin tưởng anh N, vợ chồng sống chung nhà nhưng lạnh nhạt, không quan tâm, không còn thương yêu chăm sóc nhau, mọi sinh hoạt riêng tư, không nói chuyện với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Phía anh N không đồng ý ly hôn, cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T, nhưng anh không có giải pháp, cách thức nào xóa đi mâu thuẫn, để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà theo thời gian tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt. Quá trình làm việc, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng phía chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kiên quyết xin ly hôn anh N, không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh N.

Ngoài ra, qua xác minh thu thập chứng cứ đối với Ngô Thị Thu N2 và Ngô Thị Ngọc H là con ruột của anh N, chị T đều xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh N và chị T có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vả, những khi anh N say rượu còn tác động vật lý đối với chị T, anh N còn thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được* …".

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2001 và Ngô Thị Thu N2, sinh ngày 09/03/2006; hiện 02 con đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3]. V*ề tài sản chung:* Chị T, anh N tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. V*ề nợ chung:* Chị T và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

[4]. *Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Từ những nhận định trên, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T. Cho chị Trần Thị Thu T và anh Ngô Quốc N ly hôn.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2001 và Ngô Thị Thu N2, sinh ngày 09/03/2006; hiện 02 con đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. V*ề tài sản chung:* Chị T, anh N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. V*ề nợ chung:* Chị T và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*:

- Chị Trần Thị Thu T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, chị T đã nộp theo biên lai thu số: 0004710 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV 8 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 8 - Đồng Tháp;
- UBND xã Phú Hựu- Đồng Tháp;
(*GCNKH số: 73 ngày 01/10/2001)*
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Thuỳ